

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm**

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (33 -)/DA21KDA

CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....24/5...../2023

Phòng thi:.....D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh ch
1	112121074	Trần Thị Thắm	20/08/2003	Nữ	8,5	7,5	8,0	001	Tham		
2	112121078	Trần Huỳnh Anh	11/11/2003	Nữ	8,0	4,3	6,2	002	Tham		
3	112121080	Hồ Thị Diễm	02/01/2003	Nữ							
4	112121083	Đặng Công	25/09/1999	Nam	8,5	8,5	8,5	004	Tham		
5	112121084	Trần Anh	04/12/2003	Nam	8,5	4,3	6,4	005	Tuan		
6	112121086	Dương Phước	30/03/2003	Nam	8,5	6,0	7,3	006	Vinh		
7	112121087	Nguyễn Văn	17/12/2003	Nam	8,5	7,3	7,9	007	Thanh		
8	112121090	Lê Minh	19/08/2003	Nam	8,0	5,3	6,7	008	Tham		
9	112121093	Lê Trường	09/02/2003	Nam	8,5	6,5	7,5	009	Vinh		
10	112121106	Nguyễn Thành	06/12/2003	Nam	8,5	5,5	7,0	010	Tham		
11	112121107	Nguyễn Văn	08/11/2003	Nam	8,5	6,5	7,5	011	Tham		
12	112121112	Phạm Tuấn	09/09/2002	Nam	8,5	5,8	7,2	012	Tham		
13	112121114	Nguyễn Khả	01/11/2003	Nữ	8,0	6,0	7,0	013	Tham		
14	112121131	Hà Thái	22/06/2002	Nam	8,5	7,0	7,8	014	Tham		
15	112121132	Nguyễn Chí	15/08/2003	Nam	8,5	7,5	8,0	015	Tham		
16	112121139	Đỗ Cao	26/10/2003	Nam	8,5	5,0	6,8	016	Tham		
17	112121149	Tăng Hoàng	08/06/2003	Nam	8,5	7,3	7,9	017	Tham		
18	112121150	Hồ Minh	25/02/2003	Nam	8,0	4,8	6,4	018	Tham		
19	112121152	Mai Đăng	10/11/2003	Nam	8,5	6,5	7,5	019	Tham		
20	112121155	Trần Văn	20/03/2003	Nam	8,0	6,3	7,2	020	Tham		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....20

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....19

Tổng số tờ:.....trên máy

Cán bộ coi thi 1:.....Nguyễn Minh Châu

Điểm QT:.....50%; Điểm KT:.....50%

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....Nguyễn Văn Công

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (33 -)/DA21KDA

CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24/5/2023

Phòng thi: 1771.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112121002	Nguyễn Hoàng Ân	18/10/2002	Nam	8,0	5,8	6,9	001	24		
2	112121003	Trần Quốc Bảo	02/11/2003	Nam	8,0	3,3	5,7	002	24		
3	112121004	Huỳnh Công Bình	21/11/2003	Nam	8,0	2,8	5,4	003	24		
4	112121008	Nguyễn Phan Phúc Đạt	03/03/2003	Nam	8,5	5,3	6,9	004	24		
5	112121009	Trương Công Đạt	16/08/2003	Nam	8,5	5,8	7,2	005	24		
6	112121016	Lý Văn Bảo Duy	09/03/2003	Nam	8,5	4,6	6,3	006	24		
7	112121018	Trịnh Thị Ngọc Hân	02/04/2003	Nữ	8,5	6,0	7,3	007	24		
8	112121021	Lê Trung Hiếu	22/08/2003	Nam	8,5	4,5	6,5	008	24		
9	112121023	Nguyễn Thái Hòa	11/10/2003	Nam	8,5	6,3	7,4	009	24		
10	112121025	Tiêu Vĩnh Huy	12/03/2003	Nam	8,5	5,5	7,0	010	24		
11	112121026	Nguyễn Mạnh Huỳnh	18/08/2003	Nam	9,0	4,8	6,9	011	24		
12	112121027	Trần Nhật Khang	13/10/2002	Nam	8,0	4,3	6,2	012	24		
13	112121028	Huỳnh Minh Khang	13/10/2003	Nam	8,0	4,5	6,3	013	24		
14	112121033	Lư Tuấn Kiệt	18/01/2003	Nam	9,0	5,0	7,0	014	24		
15	112121034	Nguyễn Thị Diễm Kiều	08/04/2003	Nữ	9,0	4,5	6,8	015	24		
16	112121048	Trần Phương Nam	03/05/2003	Nam	8,5	5,3	6,9	016	24		
17	112121056	Nguyễn Văn Nhớ	07/01/2003	Nam	8,5	5,3	6,9	017	24		
18	112121061	Võ Văn Phú	12/06/2003	Nam	8,0	4,3	6,2	018	24		
19	112121063	Nguyễn Trọng Phúc	08/05/2003	Nam	8,5	6,0	7,3	019	24		
20	112121065	Nguyễn Khắc Quy	02/11/2003	Nam	8,5	5,5	7,0	020	24		
21	112121067	Thạch Ngọc Sang	14/08/2003	Nam	8,5	6,3	7,4	021	24		
22	112121072	Trần Thanh Thái	22/08/2003	Nam	8,5	4,8	6,7	022	24		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22

Tổng số tờ: 22

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Phi Công

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Phi Công

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (33 -)/DA21KDB

CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 5 / 2023Phòng thi: D71110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112121001	Nguyễn Trọng An	15/12/2003	Nam	8,0	7,8	7,9	001	<u>Phi</u>		7,9 SM
2	112121006	Dương Lâm Khánh	Đặng	Nam	8,5	7,3	7,9	002	<u>Đặng</u>		7,9 SM
3	112121011	Lương Nguyễn Tuấn	Đạt	Nam	8,0	6,5	7,3	003	<u>Đạt</u>		
4	112121012	Trương Thành	Đạt	Nam	8,5	7,3	7,9	004	<u>Trương</u>		
5	112121013	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	8,5	7,5	8,0	005	<u>Đạt</u>		
6	112121020	Nguyễn Trung	Hậu	Nam	8,0						V
7	112121022	Bùi Văn	Hóa	Nam	8,5	8,0	8,3	007	<u>Hu</u>		
8	112121030	Huỳnh Duy	Khánh	Nam	8,0	7,8	7,9	008	<u>Khánh</u>		
9	112121036	Nguyễn Hoàng	Lâm	Nam	8,5	7,5	8,0	009	<u>Lâm</u>		
10	112121038	Trần	Linh	Nam	8,0	6,5	7,3	010	<u>Trần</u>		
11	112121039	Trần Thành	Lộc	Nam	8,0	5,8	6,9	011	<u>Trần</u>		
12	112121040	Trần Đại	Lộc	Nam	8,5	6,3	7,4	012	<u>Trần</u>		
13	112121041	Lâm Thành	Lợi	Nam	9,0	6,0	7,5	013	<u>Lâm</u>		
14	112121042	Trần Minh	Luân	Nam	8,5 SM	7,0	7,8	014	<u>Trần</u>		8,5 SM
15	112121049	Huỳnh Thị Tuyết	Ngân	Nữ	8,0	8,8	8,4	015	<u>Ngân</u>		
16	112121055	Ngô Thành	Nhân	Nam	8,0	5,8	6,9	016	<u>Nhân</u>		
17	112121058	Lương Trung	Nhật	Nam	8,0	5,8	6,9	017	<u>Lương</u>		
18	112121068	Lê Nhất	Sinh	Nam	8,0	6,0	7,0	018	<u>Lê</u>		
19	112121070	Trịnh Hữu	Tài	Nam	8,0	5,3	6,7	019	<u>Trịnh</u>		
20	112121075	Nguyễn Chí	Thanh	Nam	8,0	5,5	6,8	020	<u>Nguyễn</u>		
21	112121076	Thạch Minh	Thành	Nam	8,5	5,8	7,2	021	<u>Thạch</u>		
22	112121077	Nguyễn Trường	Thịnh	Nam	9,0	6,3	7,7	022	<u>Nguyễn</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22.Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21.Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 21.Tổng số tờ: 21.Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 25 tháng 5 năm 2023Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh ThanhCán bộ ghi điểm: Phon Pon Ka

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (33 -)/DA21KDB

CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 05 / 2023Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chi
1	112121079	Lý Trung Tín	02/03/2003	Nam	8,0	5,5	6,8	001	<u>trung</u>		
2	112121082	Nguyễn Minh Trọng	01/02/2002	Nam	8,0	3,8	5,9	002	<u>Minh</u>		
3	112121089	Tạ Nguyễn Ngọc Vĩnh	16/08/2003	Nam	8,5	7,3	7,9	003	<u>Vinh</u>		
4	112121092	Ngô Trường Vũ	25/04/2003	Nam	8,0	4,3	6,2	004	<u>Vu</u>		
5	112121097	Lê Phát Tài	20/09/2003	Nam	8,0	6,0	7,0	005	<u>Phat</u>		
6	112121098	Kim Thành Được	30/01/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	006	<u>Được</u>		
7	112121099	Hà Minh Quý	21/01/2003	Nam	8,0	5,8	6,9	007	<u>Minh</u>		
8	112121103	Nguyễn Minh Thuận	09/10/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	008	<u>Thuận</u>		
9	112121104	Nguyễn Chí Thanh	15/06/2003	Nam	8,0	5,8	6,9	009	<u>Thanh</u>		
10	112121111	Nguyễn Huỳnh Hữu Thiện	20/08/2003	Nam	8,5	4,5	6,5	010	<u>HT</u>		
11	112121115	Trương Nhật Đăng	16/01/2003	Nam	8,0	5,5	6,8	011	<u>Đặng</u>		
12	112121117	Lê Quang Huy	07/11/2003	Nam	8,5	5,8	7,2	012	<u>Huy</u>		
13	112121125	Dương Hiền Nhân	02/07/2003	Nam	8,0	3,5	5,8	013	<u>Nhan</u>		
14	112121126	Phạm Hoài Khương	15/04/2003	Nam	8,0	4,8	6,4	014	<u>Khương</u>		
15	112121127	Nguyễn Ngọc Duy	27/06/2003	Nam	8,5	4,8	6,7	015	<u>Duy</u>		
16	112121133	Thạch Kim Luân	22/02/2003	Nam	8,0	3,8	5,9	016	<u>Kim</u>		
17	112121135	Trần Minh Kha	17/10/2003	Nam	8,0	6,0	7,0	017	<u>Kha</u>		
18	112121142	Nguyễn Thành Lộc	27/09/2003	Nam	8,5	6,5	7,5	018	<u>Loc</u>		
19	112121143	Trương Thanh Lộc	03/12/2003	Nam	8,0	5,8	6,9	019	<u>Thanh</u>		
20	112121144	Nguyễn Lê Tuấn Kiệt	15/01/2003	Nam	8,0	5,3	6,7	020	<u>Tuấn</u>		
21	112121147	Trần Lâm Tấn Lộc	19/11/2003	Nam	8,5	5,0	6,8	021	<u>Lam</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 21Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 21Tổng số tờ: 21Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 25 tháng 5 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Phạm Sơn LaCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (33 -)/DA21NNAA

CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
24 / 5 / 23

Phòng thi: DJ1-105

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110421061	Nguyễn Tấn	Phát	02/10/2003	Nam	9,0	5,0	7,0	015	<u>Ph</u>		
2	110421066	Hồ Thị Như	Quỳnh	24/10/2003	Nữ	8,5	4,3	6,4	016	<u>Qu</u>		
3	110421098	Nguyễn Thị Bảo	Trang	06/09/2003	Nữ	8,0	5,5	6,8	017	<u>Tr</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ: 03

Cán bộ coi thi 1: Đoàn Ng. T. Hoàng

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Son Son La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đoàn

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (33 -)/DA21NNAC

CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 5 / 2023

Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110421002	Nguyễn Công Bằng	01/01/2003	Nam	8,5	7,3	7,9	001	ICB		
2	110421020	Lưu Trần Ngọc Hân	17/02/2003	Nữ	8,5	8,3	8,4	002	Thư		
3	110421022	Nguyễn Anh Hào	20/06/2003	Nam	8,5	8,5	8,5	003	Hào		
4	110421027	Ngô Gia Huy	09/09/2003	Nam	8,5	9,0	8,8	004	Thư		
5	110421032	Châu Quang Minh	01/01/2003	Nam	8,5	8,0	8,3	005	ngminh		
6	110421044	Hà Tô Thảo Ngân	03/08/2003	Nữ	9,0	7,5	8,3	006	Thư		
7	110421078	Võ Ngọc Yến Thanh	20/01/2003	Nữ	8,0	6,8	7,4	007	Thư		
8	110421102	Lê Tiến Triền	10/12/2003	Nam	8,5	7,0	7,8	008	Thư		
9	110421111	Đỗ Thị Thúy Vân	12/01/2003	Nữ	9,0	8,0	8,5	009	Thư		
10	110421114	Trần Thiên Vĩ	23/06/2002	Nam	8,5	7,3	7,9	010	Thư		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10

Tổng số tờ: 10

Cán bộ coi thi 1:

Phạm Hồng Sang

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Phạm Hồng Sang

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (33 -)/DA21NNAD

CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 5 / 23

Phòng thi: ĐT1-105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110421091	Lê Thiên Nhã	Thy	09/10/2003	Nữ	8,0	5,0	6,5	018	Thy	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Linh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Linh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (33 -)/DA21NNAE

CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 5 / 2023

Phòng thi: 07106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	110421156	Lâm Ngọc Mỹ Vy	07/06/2003	Nữ	✓	✓	✓	✓	✓		✓
2	110421179	Thạch Su Wan	01/11/2003	Nữ	9,0	5,8	7,4	012	Phạm		
3	110421198	Trịnh Hà Bảo	19/09/2003	Nữ	9,0	7,5	8,3	013	Ba		
4	110421229	Thạch Thị Minh	28/07/2003	Nữ	9,0	5,3	7,2	014	Thạch		
5	110421244	Lưu Thị Hồng	20/06/2003	Nữ	9,0	6,5	7,8	015	Lưu		
6	110421260	Phan Tuấn	11/08/2003	Nam	8,5	7,0	7,8	016	Phan		
7	110421262	Lâm Minh	28/01/2003	Nữ	8,0	7,0	7,5	018	Lâm		
8	110421264	Vương Mộng	25/06/2003	Nữ	8,0	5,0	6,5	018	Vương		
9	110421265	Nguyễn Hoàng	18/12/2002	Nam	8,0	5,5	6,8	019	Nguyễn		
10	110421268	Nguyễn Trọng	19/01/2003	Nam	8,0	6,3	7,2	020	Nguyễn		
11	110421270	Phan Thế	30/09/2001	Nam	✓	✓	✓	✓	✓		✓

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09

Tổng số tờ: 09

Cán bộ coi thi 1:

Phạm Hồng Sang

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

2415
D71.105

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (33 -)/CA21MNB
CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: TH
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
24 / 5 / 23
Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	214221122	Châu Ngọc Đình	27/03/2003	Nữ	8,0	5,0	6,5	004	<u>ĐM</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 21
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 0
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 0
Tổng số tờ: 9

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Đinh Ngọc T. Lành

Cán bộ ghi điểm: Đinh Ngọc T. Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đinh Ngọc T. Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (33 -)/DA19CK
CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
21 / 5 / 23
Phòng thi: DJ1-105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111819029	Chau Long An	30/05/2001	Nam	2,0	4,8	6,4	001	<u>He</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01
Tổng số tờ: 01

Điểm QT:%; Điểm KT:%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Phan Ngô Thị Lành

Cán bộ ghi điểm: Phan Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Phan

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (33 -)/DA19DCN

CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: TTN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
24 / 5 / 23

Phòng thi: 1781-105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112119005	Huỳnh Vĩ	Bằng	Nam	8,0	4,3	6,2	002	<i>[Signature]</i>		
2	112119053	Lâm Phú	Vinh	Nam	8,0	5,8	6,9	003	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]* Nguyễn P. Công

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: *[Signature]*
Tôn Tôn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: *[Signature]*
Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (33 -)/DA21DB

CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
24 / 5 / 23

Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115621009	Trương Tuyết Thảo	29/03/2003	Nữ	9,0	8,3	8,7	005	Thao		
2	115621066	Nguyễn Thanh Bình	13/10/2003	Nam	8,0	6,5	7,3	006			
3	115621116	Nguyễn Phúc Hưng	28/09/2003	Nam	8,0	6,8	7,4	007	Hung		
4	115621129	Võ Phạm Quốc Anh	07/07/2003	Nam	9,0	6,5	7,8	008	Quoc Anh		
5	115621131	Tôn Ngọc Huyền	26/11/2003	Nữ	9,0	8,3	8,7	009	Huyen		
6	115621135	Võ Ngọc Xuân Thy	05/01/2003	Nữ	8,5	8,3	8,4	010	Thy		
7	115621142	Trần Thanh Phong	22/11/2003	Nam	8,5	7,0	7,8	011	Phong		
8	115621143	Lâm Thị Thanh Phương	19/12/2003	Nữ	8,5	8,0	8,3	012	Thanh		
9	115621153	Hứa Thị Thùy Dung	28/09/2003	Nữ	9,0	7,5	8,3	013	Dung		
10	115621157	Lâm Bảo Toàn	15/01/2002	Nam	8,5	9,0	8,8	014	Toan		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10

Tổng số tờ: 10

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Linh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Linh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (33 -)/DA21THA

CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 5 / 23

Phòng thi: D71-105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chi
1	114321031	Trần Thị Mỹ Hiền	20/11/2003	Nữ	8,0	8,3	8,2	019			
2	114321041	Trần Thị Ngọc Kiều	27/06/2003	Nữ	8,5	5,3	6,9	020			
3	114321076	Nguyễn Hữu Phước	14/10/2003	Nam	8,5	8,8	8,7	021			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ: 03

Cán bộ coi thi 1:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (33 -)/DA21XD

CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 5 / 23

Phòng thi: DJ1-105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111721036	Ngô Kim Bảo	25/05/2003	Nam	✓	✓	✓	✓	✓		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ: 00

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Lãnh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Soucy Tôn Tôn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lãnh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (33 -)/DA21NNTQ

CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 05 / 2023

Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	118721002	Võ Thị Mộng	Cầm	Nữ	8,5	9,3	8,9	001	<u>Cầm</u>		
2	118721005	La Ngọc	Huệ	Nữ	9,0	5,5	7,3	002	<u>h</u>		
3	118721013	Võ Thị Thảo	Nguyên	Nữ	9,0	5,0	7,0	003	<u>nguy</u>		
4	118721022	Nguyễn Chí	Thiện	Nam	8,5	7,0	7,8	004	<u>thuc</u>		
5	118721033	Lạc Gia	Huệ	Nữ	9,0	7,5	8,3	005	<u>glt</u>		
6	118721035	Kiên Thị Phước	Hồng	Nữ	8,5	5,3	6,9	006	<u>h</u>		
7	118721044	Nguyễn Văn	Anh	Nữ	8,0	5,3	6,7	007	<u>Anh</u>		
8	118721060	Trần Thị Mỹ	Quên	Nữ	8,5	4,8	6,7	008	<u>my</u>		
9	118721074	Huỳnh Minh	Luân	Nam	8,5	6,3	7,4	009	<u>luân</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Đón Đón

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (33 -)/DA21QV

CBGD: Nguyễn Phi Công (00110)

Hình thức đánh giá: TIV

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
24 / 05 / 2023

Phòng thi: DH.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	110921061	Trần Thị Huỳnh Như	25/01/2003	Nữ	8,5	3,8	6,2	010	Nhu		
2	110921094	Kiên Thị Ly	09/12/2003	Nữ	8,0	6,8	7,4	011	Ly		
3	110921118	Ngô Thị Quế Trân	26/10/2003	Nữ	8,0	5,8	6,9	012	Trân		
4	110921130	Nguyễn Thị Diễm Kiều	20/02/2003	Nữ	8,0	6,3	7,2	013	Kieu		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 5 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh